

Số: 733 /QĐ-UBND

Ninh Hòa, ngày 26 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã Ninh Hòa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thị xã Ninh Hòa phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong phụ lục kèm theo Quyết định này.

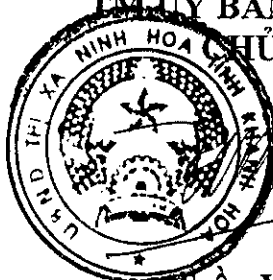
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã Ninh Hòa, Trưởng Ban Chỉ đạo áp dụng ISO 9001:2008 thị xã, Thủ trưởng các phòng chuyên môn, Chủ tịch UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KH&CN (báo cáo);
- BBT Công Thông tin điện tử thị xã;
- Lưu: VT, Thư ký ISO.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Minh

Trần Văn Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – hạnh phúc

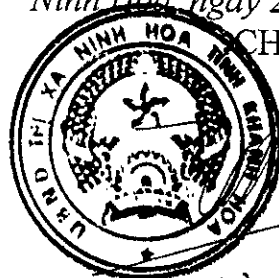
BẢN CÔNG BỐ ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

Công bố hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thị xã Ninh Hòa phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với hoạt động giải quyết thủ tục hành chính của UBND thị xã Ninh Hòa

(Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Ninh Hòa)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Ninh Hòa, ngày 26 tháng 01 năm 2018



CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND THỊ XÃ NINH HÒA ĐƯỢC CÔNG BỐ
PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO9001:2008**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Ninh Hòa)

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu	Lần ban hành
	Tài liệu vận hành hệ thống		
1	Sổ tay chất lượng	STCL	
2	Chính sách chất lượng	CSCL	
3	Mục tiêu chất lượng của UBND thị xã Ninh Hòa	MTCL	
4	Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng	KH-MTCL	
5	Quy trình hành động khắc phục	QT-KP	
6	Quy trình hành động phòng ngừa	QT-PN	
7	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT-KSHS	
8	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT-KSTL	
9	Quy trình kiểm soát sản phẩm không phù hợp	QT-KPH	
10	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-ĐGNB	
11	Quy trình xem xét lãnh đạo	QT-XXLD	
	Lĩnh vực Tư pháp		
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-TP.01	02
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-TP.02	
3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-TP.03	02
4	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QT-TP.04	02
5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-TP.05	02
6	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-TP.06	02
7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-TP.07	02
8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-TP.08	02
9	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-TP.09	02
10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-TP.10	02
11	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-TP.11	02
12	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-TP.12	02
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-TP.13	02
14	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-TP.14	02

15	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-TP.15	02
16	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-TP.16	02
17	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-TP.17	02
18	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-TP.18	02
19	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-TP.19	02
20	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-TP.20	02
21	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP.21	02
22	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân VN đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP.22	02
23	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-TP.23	02
24	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-TP.24	02
25	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-TP.25	02
26	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-TP.26	02
27	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-TP.27	02
28	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT-TP.28	02
29	Thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	QT-TP.29	02
30	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	QT-TP.30	02
31	Thủ tục chuyển giao Quyết định giải quyết bồi thường	QT-TP.31	02
32	Thủ tục chi trả tiền bồi thường	QT-TP.32	02
33	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	QT-TP.33	02
34	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai	QT-TP.34	02
Lĩnh vực y tế			
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	QT-YT.01	04
2	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	QT-YT.02	04
3	Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-YT.03	04
Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch			

1	Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke	QT-VH.01	02
2	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT-VH.02	02
3	Công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương	QT-VH.03	02
4	Công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương	QT-VH.04	02
5	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-VH.05	02
6	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-VH.06	02
7	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-VH.07	02
8	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-VH.08	02
9	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	QT-VH.09	02
10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-VH.10	02
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-VH.11	02
12	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-VH.12	02
13	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-VH.13	02
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-VH.14	02
15	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-VH.15	02
16	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VH.16	02
17	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VH.17	02
18	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VH.18	02
19	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VH.19	02
20	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (mức độ 3)	QT-VH.20	02
21	Thay đổi thông tin khai báo dịch vụ photocopy (mức độ 3)	QT-VH.21	02
22	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên phương tiện băng rôn tại các tuyến đường	QT-VH.22	02
Lĩnh vực xây dựng			
①	Cấp giấy phép xây dựng công trình	QT-XDCT.01	01
②	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình	QT-XDCT.02	01
3	Thẩm định báo cáo kinh tế – kỹ thuật/ báo cáo kinh tế – kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/ thiết kế bản vẽ thi công dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1	QT-XD.01	01

	bước)		
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị.	QT-XD.02	01
5	Cấp mới giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị.	QT-XD.03	01
6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị.	QT-XD.04	01
7	Cấp gia hạn giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị.	QT-XD.05	01
8	Cấp lại giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị.	QT-XD.06	01
9	Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn công trình, nhà ở riêng lẻ trong đô thị.	QT-XD.07	01
Lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc			
①	Thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	QT.QH.01	01
②	Thẩm định quy hoạch chi tiết.	QT.QH.02	01
③	Thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn.	QT.QH.03	01
④	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	QT.QH.04	01
⑤	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý.	QT.QH.05	01
Lĩnh vực Hạ tầng Kỹ thuật			
①	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT.HTKT.01	01
Lĩnh vực Nhà ở công vụ			
①	Thuê nhà ở công vụ quản lý của UBND cấp tỉnh	QT.NO.01	
Lĩnh vực Giao thông vận tải			
1	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa chưa khai thác không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người.	QT-GT.01	01
2	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa đang khai thác không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người	QT-GT.02	01

3	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người.	QT-GT.03	01
4	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người.	QT-GT.04	01
5	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người	QT-GT.05	01
6	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người	QT-GT.06	01
7	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người	QT-GT.07	01
8	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người	QT-GT.08	01
9	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người.	QT-GT.09	
10	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông để thực hiện: Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; điem trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; điem trung chuyên vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình.	QT-GT.10	01
11	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông đối với: Điem trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; điem trung chuyên rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị.	QT-GT.11	01
12	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường để trông, giữ xe có thu phí.	QT-GT.12	01

13	Cấp giấy phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ của hệ thống đường đô thị	QT-GT.13	01
14	Cấp giấy phép thi công cải tạo vỉa hè đối với đường đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	QT-GT.14	01
Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường			
1	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.	QT-TN.01	01
2	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	QT-TN.02	01
3	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở.	QT-TN.03	01
4	Giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT-TN.04	01
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất (trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền hoặc cho thuê đất)	QT-TN.05	01
6	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện	QT-TN.06	01
7	Thủ tục đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	QT-TN.07	01
8	Thủ tục đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản	QT-TN.08	01
9	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT-TN.09	01
10	Lấy ý kiến của UBND cấp xã, UBND cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh.	QT-TN.10	01
Lĩnh vực Tài chính – Kế hoạch			
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh - giấy chứng nhận đăng ký thuế	QT-TC.01	02
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh - đăng ký thuế	QT-TC.02	02
3	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh - cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuế	QT-TC.03	02
4	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT-TC.04	02
5	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-TC.05	02
6	Thủ tục đăng ký hợp tác xã	QT-TC.06	02
7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TC.07	02
8	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người địa diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	QT-TC.08	02
9	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT-TC.09	02

10	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT-TC.10	02
11	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT-TC.11	02
12	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT-TC.12	02
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	QT-TC.13	02
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi mất)	QT-TC.14	02
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QT-TC.15	02
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QT-TC.16	02
17	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã tự nguyện giải thể)	QT-TC.17	02
18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hợp tác xã	QT-TC.18	02
19	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-TC.19	02
20	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT-TC.20	02
21	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TC.21	02
22	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-TC.22	02
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	QT-TC.23	02
24	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã.	QT-TC.24	02
25	Thẩm định và thông báo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.	QT-TC.25	03
26	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	QT-TC.26	01
27	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	QT-TC.27	01
28	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	QT-TC.28	01
29	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	QT-TC.29	01
Lĩnh vực Nội vụ			
1	Cho phép thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn	QT-NV.01	02
2	Phê duyệt điều lệ hội và công nhận ban lãnh đạo, ban kiểm tra (khi hội có đề nghị công nhận) đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn	QT-NV.02	02
3	Công nhận ban lãnh đạo, ban kiểm tra hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn (khi hội có đề nghị công nhận) nhưng không đề nghị phê duyệt điều lệ hội (không sửa đổi, bổ sung điều lệ hội)	QT-NV.03	02
4	Đổi tên hội và phê duyệt điều lệ hội (sửa đổi, bổ sung) hội có phạm	QT-NV.04	02

	vi Hoạt động trong xã, thị trấn		
5	Cho phép giải thể hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn tự giải thể	QT-NV.05	02
6	Cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn	QT-NV.06	02
7	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn	QT-NV.07	02
8	Công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	QT-NV.08	02
9	Thủ tục đăng ký hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-NV.09	02
10	Thủ tục đăng ký dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-NV.10	02
11	Thủ tục thông báo tuyên chuyên nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	QT-NV.11	02
12	Thủ tục đăng ký tuyên chuyên nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	QT-NV.12	02
13	Thủ tục chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hàng năm có sự tham gia của tín đồ trong huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-NV.13	02
14	Thủ tục chấp thuận tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở	QT-NV.14	02
15	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-NV.15	02
16	Thủ tục chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo	QT-NV.16	02
17	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện	QT-NV.17	02
18	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-NV.18	02
19	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT-NV.19	02
20	Thủ tục tặng danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa	QT-NV.20	02
21	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	QT-NV.21	02
22	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-NV.22	02
23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-NV.23	02
24	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	QT-NV.24	02
25	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT-NV.25	02
26	Cho phép thành lập cơ sở bảo trợ ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện	QT-NV.26	02

27	Cho phép thay đổi Giám đốc cơ sở bảo trợ ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện	QT-NV.27	02
28	Cho phép thay đổi trụ sở cơ sở bảo trợ ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện	QT-NV.28	02
29	Cho phép thay đổi tên cơ sở bảo trợ ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện	QT-NV.29	02
30	Cho phép thay đổi Quy chế hoạt động cơ sở bảo trợ ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện	QT-NV.30	02
31	Cho phép giải thể cơ sở bảo trợ ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện	QT-NV.31	02
32	Cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT-NV.32	02
33	Cho phép thay đổi giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT-NV.33	02
34	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT-NV.34	02
35	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT-NV.35	02
36	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT-NV.36	02
37	Cho phép quỹ được đổi tên và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT-NV.37	02
38	Cho phép quỹ được hợp nhất, sáp nhập, chia tách quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT-NV.38	02
39	Cho phép giải thể quỹ trong trường hợp quỹ tự giải thể đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT-NV.39	02
Lĩnh vực Công Thương và Nông nghiệp PTNN			
1	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-KT.01	02
2	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-KT.02	02
3	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT-KT.03	02
4	Khai thác rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	QT-KT.04	02
5	Khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ đối với chủ rừng là hộ gia đình.	QT-KT.05	02
6	Khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật đối với chủ rừng là hộ gia đình.	QT-KT.06	02
7	Thủ tục thu hồi rừng đối với Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	QT-KT.07	02
8	Thủ tục cho phép trồng cao su trên đất lâm nghiệp đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	QT-KT.08	02

9	Thủ tục khai thác tận dụng lâm sản trên đất rừng chuyển rừng sang trồng cao su đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	QT-KT.09	02
10	Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới	QT-KT.10	02
11	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh (đối với trường hợp di dân từ UBND thị xã sang UBND cấp huyện khác)	QT-KT.11	02
12	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh (đối với trường hợp tiếp nhận dân từ UBND cấp huyện khác đến)	QT-KT.12	02
13	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	QT-KT.13	02
14	Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản (mức độ 3)	QT-KT.14	02
15	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản Cho tàu cá dưới 20 cv (mức độ 3)	QT-KT.15	02
16	Cấp đổi giấy phép khai thác thủy sản Cho tàu cá dưới 20 cv (mức độ 3)	QT-KT.16	02
17	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (trường hợp gcnđk cũ bị hư hỏng, bị mất)	QT-KT.17	02
18	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá dưới 20 cv (trường hợp chuyển nhượng quyền sở hữu)	QT-KT.18	02
19	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KT.19	02
20	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (mức độ 3)	QT-KT.20	02
21	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (trường hợp hết hạn)	QT-KT.21	02
22	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (trường hợp mất hoặc hư hỏng)	QT-KT.22	02
23	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QT-KT.23	02
24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QT-KT.24	02
25	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ (trường hợp hết hạn)	QT-KT.25	02
26	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ (trường hợp bị mất hoặc hư hỏng)	QT-KT.26	02
27	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu (mức độ 3)	QT-KT.27	02
28	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu (mức độ 3)	QT-KT.28	02
29	Cấp lại giấy phép bán lẻ Sản phẩm rượu (trường hợp hết hạn)	QT-KT.29	02
30	Cấp lại giấy phép bán lẻ Sản phẩm rượu (trường bị mất hoặc hư hỏng)	QT-KT.30	02
31	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mức độ 3)	QT-KT.31	02

32	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ Sản phẩm thuốc lá (mức độ 3)	QT-KT.32	02
33	Cấp lại giấy phép bán lẻ Sản phẩm thuốc lá (trường hợp hết hạn)	QT-KT.33	02
34	Cấp lại giấy phép bán lẻ Sản phẩm thuốc lá (trường bị mất hoặc hư hỏng)	QT-KT.34	02
35	Cấp Giấy xác nhận kiến thức ATTP (Hộ kinh doanh)	QT-KT.35	02
36	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	QT-KT.36	02
37	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	QT-KT.37	02
Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo			
1	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	QT-GD.01	01
2	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	QT-GD.02	01
3	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	QT-GD.03	01
4	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	QT-GD.04	01
5	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT-GD.05	01
6	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-GD.06	01
7	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non	QT-GD.07	01
8	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	QT-GD.08	01
9	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT-GD.09	01
10	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã	QT-GD.10	01
11	Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp cơ sở	QT-GD.11	01
12	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	QT-GD.12	01
13	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi	QT-GD.13	01
14	Thủ tục thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-GD.14	01
15	Thủ tục đề trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-GD.15	01
16	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-GD.16	01
17	Giải trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-GD.17	01
18	Thủ tục thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục.	QT-GD.18	01
19	Thủ tục đề trường tiểu học hoạt động giáo dục.	QT-GD.19	01

20	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-GD.20	01
21	Giải thể trường tiểu học	QT-GD.21	01
22	Thủ tục thành lập trường trung học công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học tư thục.	QT-GD.22	01
23	Thủ tục đề trường trung học hoạt động giáo dục.	QT-GD.23	01
24	Sáp nhập, chia, tách trường trung học	QT-GD.24	01
25	Giải thể trường trung học	QT-GD.25	01
26	Thủ tục thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-GD.26	01
27	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng	QT-GD.27	01
Lĩnh vực Lao động, thương binh và xã hội			
1	Thủ tục xác nhận và giải quyết chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	QT-LĐ.01	01
2	Thủ tục xét duyệt và đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QT-LĐ.02	01
3	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp truy tặng hoặc tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QT-LĐ.03	01
4	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT-LĐ.04	01
5	Thủ tục hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-LĐ.05	01
6	Thủ tục hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-LĐ.06	01
7	Thủ tục xác nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày đ/v trường hợp đã hưởng trợ cấp 01 lần	QT-LĐ.07	01
8	Thủ tục xác nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày đ/v trường hợp chưa hưởng trợ cấp 01 lần	QT-LĐ.08	01
9	Thủ tục hồ sơ giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-LĐ.09	01
10	Thủ tục giải quyết trợ cấp 01 lần đ/v người có công giúp đỡ cách mạng	QT-LĐ.10	01
11	Thủ tục giải quyết trợ cấp hàng tháng đ/v người có công giúp đỡ cách mạng	QT-LĐ.11	01
12	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng tử trần	QT-LĐ.12	01
13	Thủ tục hồ sơ hưởng mai táng phí và trợ cấp một lần cho người có công cách mạng	QT-LĐ.13	01
14	Thủ tục mua bảo hiểm y tế cho người có công	QT-LĐ.14	01
15	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	QT-LĐ.15	01
16	Thủ tục đổi hoặc cấp “Bằng Tổ quốc ghi công”	QT-LĐ.16	01

17	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà cho người có công cách mạng	QT-LĐ.17	01
18	Cấp lại Sổ lĩnh tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho người có công	QT-LĐ.18	01
19	Hỗ trợ kinh phí cho Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bố mẹ liệt sĩ thọ 80 tuổi trở lên	QT-LĐ.19	01
20	Xác nhận người có công để miễn giảm thuế sử dụng đất lần đầu	QT-LĐ.20	01
21	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước, hiện đã về gia đình	QT-LĐ.21	01
22	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	QT-LĐ.22	01
23	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	QT-LĐ.23	01
24	Thủ tục trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia nước bạn Lào, Campuchia	QT-LĐ.24	01
25	Hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-LĐ.25	01
26	Thủ tục hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT-LĐ.26	01
27	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-LĐ.27	01
28	Thủ tục trợ cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng	QT-LĐ.28	01
29	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ, chính sách đối với người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QT-LĐ.29	01
30	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT-LĐ.30	01
31	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT-LĐ.31	01
32	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	QT-LĐ.32	01
33	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cho người có công với cách mạng	QT-LĐ.33	01
34	Trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-LĐ.34	01
35	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-LĐ.35	01
36	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-LĐ.36	01
37	Giải quyết hỗ trợ kinh phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-LĐ.37	01

38	Điều chỉnh mức trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-LĐ.38	01
39	Chấm dứt hưởng trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-LĐ.39	01
40	Trợ cấp đột xuất cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-LĐ.40	01
41	Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng tại Trung tâm bảo trợ XH và Công tác XH thị xã Ninh Hòa.	QT-LĐ.41	01
42	Tiếp nhận người khuyết tật vào nuôi dưỡng trong Trung tâm Bảo trợ xã hội Khánh Hòa	QT-LĐ.42	01
43	Tiếp nhận trẻ em vào nuôi dưỡng trong Trung tâm bảo trợ XH và Công tác XH thị xã Ninh Hòa	QT-LĐ.43	01
44	Đăng ký khai trình sử dụng lao động	QT-LĐ.44	01
45	Đăng ký thang lương, bảng lương	QT-LĐ.45	01
46	Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người không tự nguyện nhưng có khả năng tái nghiệp cao	QT-LĐ.46	01
47	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân”	QT-LĐ.47	01